

BÁO CÁO CẬP NHẬT KQKD 2025

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (CTG - HSX)



Liên hệ

(+84) 24 3926 0099 
online@vncsi.com.vn 
www.vncsi.com 

Ngày thực hiện: 07/05/2025

Chỉ tiêu tài chính (tỷ VND)

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025F
Thu nhập lãi thuần	47,791.96	52,957.48	62,402.79	70,526.14
Growth	14.4%	10.8%	17.8%	13.0%
TOI	64,117.18	70,548.17	81,908.68	91,418.81
CIR	29.9%	29.0%	27.5%	30.0%
Lợi nhuận sau thuế	16,983.65	20,044.62	25,482.57	31,194.54
Growth	19.5%	18.0%	27.1%	22.4%

Nguồn: CTG, CSI Research

Điểm nhấn đầu tư

Kế hoạch tăng vốn lớn: Để đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP 2 con số thì nhu cầu tăng trưởng tín dụng rất lớn. Để đáp ứng nhu cầu này tăng vốn là điều kiện cần thiết giúp CTG duy trì tỷ lệ tăng trưởng tín dụng cao trong những năm tới. Trong Nghị quyết ĐHĐCĐ 2025, ngân hàng đã thông qua kế hoạch tăng vốn từ nguồn lợi nhuận giữ lại của năm 2021, 2022. Vốn điều lệ sau khi tăng đạt 77.67 nghìn tỷ (+44.64%). Không chỉ dừng lại ở đây, định hướng trong 3 năm tới lợi nhuận tiếp tục được giữ lại toàn bộ để phục vụ bổ sung vốn cho ngân hàng.

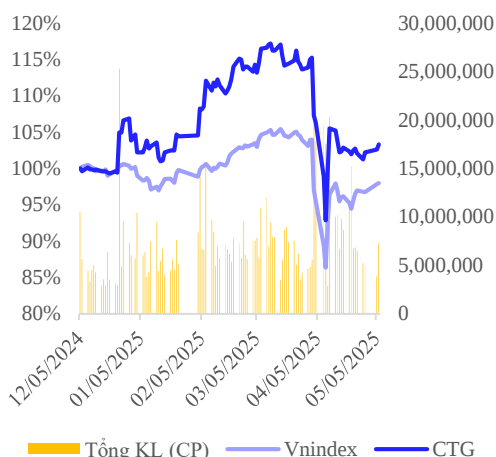
Duy trì tỷ lệ ROE cao trên nền vốn chủ sở hữu liên tục tăng trưởng: Hiệu quả hoạt động của CTG cải thiện rất mạnh thể hiện qua chỉ số vốn chủ sở hữu liên tục tăng kèm theo ROE không ngừng cải thiện. Giai đoạn trước năm 2018 ROE của CTG giao động 10% - 12% đến nay đã cải thiện trên 18%, đồng thời vốn chủ cũng tăng từ 67.3 nghìn tỷ tại năm 2018 lên 148.5 nghìn tỷ tại cuối năm 2024. Đến hết Q1/2025 ROE của CTG đạt 18.3% đồng thời vốn chủ sở hữu tiếp tục tăng 17.9% yoy tương ứng đạt 153.98 nghìn tỷ. Theo chia sẻ của Ban lãnh đạo, ROE sẽ được duy trì 17% - 18% trong khi đó vốn chủ sở hữu liên tục mở rộng dẫn tới kết quả kinh doanh trong những năm đầy hứa hẹn.

Nợ xấu đạt đỉnh: Tại Q1/2025 nợ xấu đạt 1.55% tăng mạnh trong đó nợ nhóm 5 tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ tương ứng đạt 16 nghìn tỷ. Các nhóm nợ khác tăng mạnh so với cuối năm 2024, nợ nhóm 3 và nhóm 4 lần lượt đạt 6.4 nghìn tỷ (-3.8% yoy, +128.29% QoQ) và 5.5 nghìn tỷ (-1.4% yoy, +13.21% QoQ). Theo đánh giá của Ban lãnh đạo nền kinh không có biến cố gì xấu hơn thì tỷ lệ nợ xấu sẽ đạt kế hoạch. Bên cạnh đó, tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng năm 2025 trong khoảng 20 – 25 nghìn tỷ tương đương với 2024 cho thấy vấn đề nợ xấu không tệ hơn 2024.

Rủi ro đầu tư:

Nợ xấu tăng khi chiến tranh thương mại leo thang, kinh tế gặp nhiều khó khăn hơn.

Biến động giá CTG & VN-Index 6 tháng



Thông tin cơ bản của cổ phiếu

SLCP Niêm yết	5,369,991,700
Vốn hóa (tỷ VND)	201,106.19
Khoảng giá 52 tuần	30.15 - 42.65
Giá trị khớp lệnh bình quân 20 phiên (tỷ VND)	354.96
Tỷ lệ sở hữu nhà nước	64.46%
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	26.74%

Chỉ số tài chính

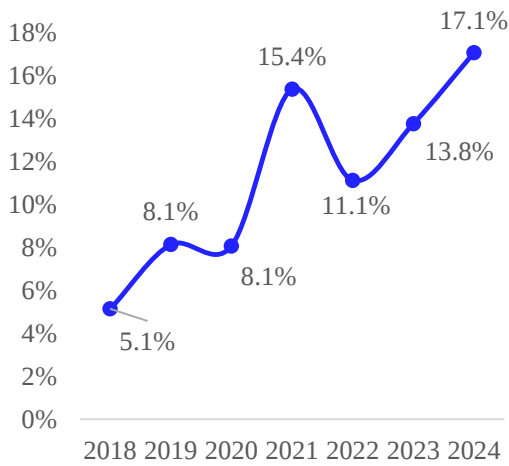
Năm	2023	2024	Q1/2025
EPS	3,706	4,139	4,806
BVPS	23,279	27,474	28,479
PE	10.25	9.09	7.79
PB	1.63	1.37	1.32
ROE%	17.1%	18.6%	17.9%
ROA%	1.04%	1.15%	1.12%

Nguồn: Fiin, CSI Research

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CTG

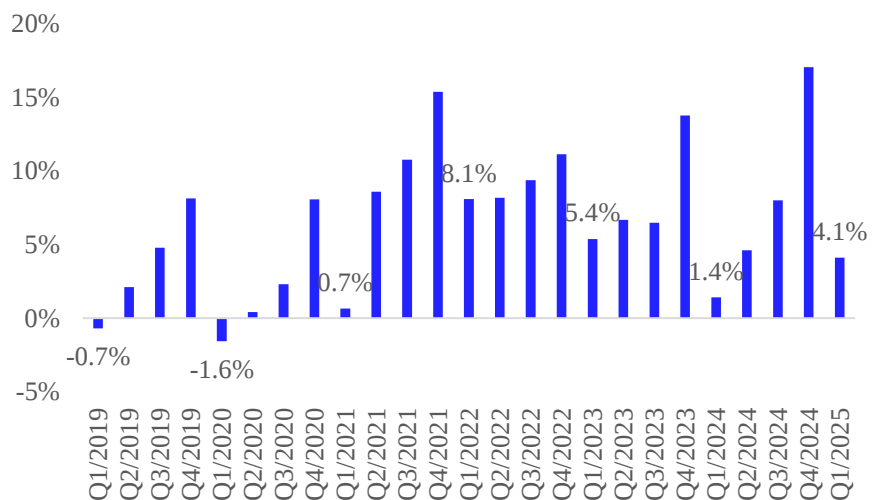
Tăng trưởng tín dụng của CTG có xu hướng ngày càng cao trong vòng 6 năm trở lại đây, trong khi đó dư nợ tín dụng của CTG luôn nằm trong Top 3, đây là kết quả đáng nể của ngân hàng từ 2019 tới nay. Bước sang 2025 tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ ngay từ đầu năm, dư nợ tín dụng bao gồm cho vay khách hàng và đầu tư trái phiếu của ngân hàng tại Q1/2025 đạt 2.02 triệu tỷ (+20% yoy). Thông thường tăng trưởng tín dụng chậm ở đầu năm và tăng dần về phía cuối năm tuy nhiên từ Q1/2025 tín dụng của CTG đã tăng trưởng 4.1% YTD. Theo chia sẻ từ Ban lãnh đạo ngân hàng, tín dụng sẽ tăng trưởng bền vững theo tình thần tháng sau cao hơn tháng trước, quý sau cao hơn quý trước, điều này dự báo kết quả trong năm 2025 tích cực.

Tăng trưởng tín dụng CTG hàng năm



Nguồn: CTG, CSI Research

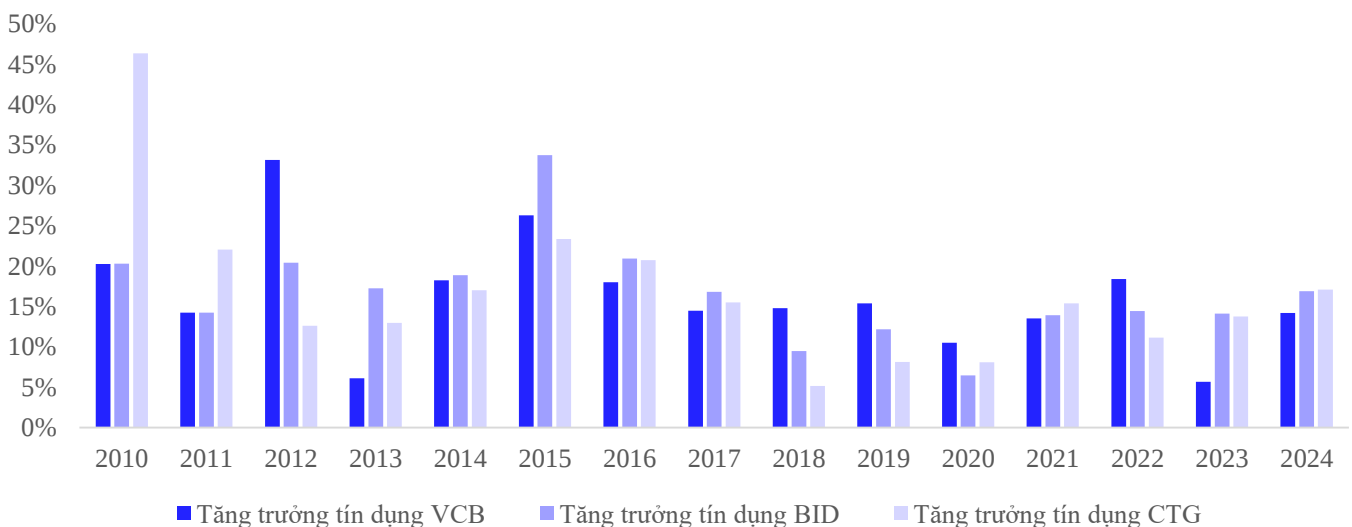
Tăng trưởng tín dụng CTG (YTD)



Nguồn: CTG, CSI Research

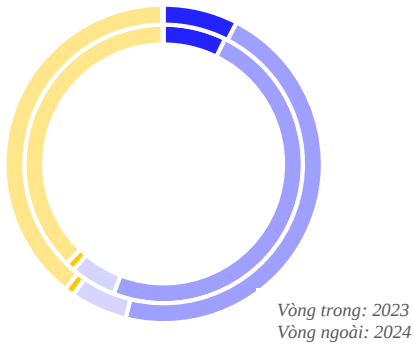
So sánh với 2 ngân hàng Quốc doanh là BID và VCB trong 3 năm gần nhất tăng trưởng tín dụng của CTG vượt qua VCB và đã đuổi kịp BID.

Tăng trưởng tín dụng NHTM Nhà nước



Nguồn: CTG, CSI Research

Cơ cấu cho vay

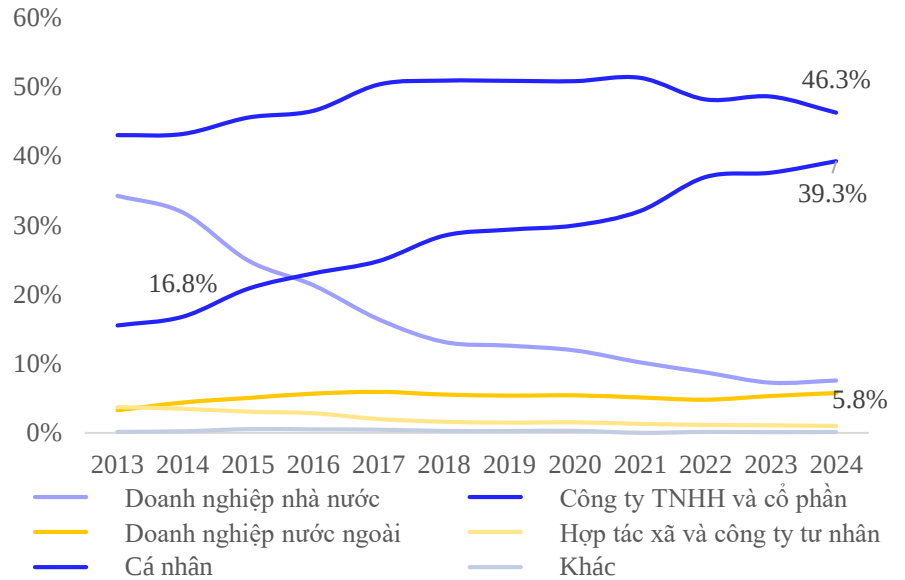


- Doanh nghiệp nhà nước
- Công ty TNHH và cổ phần
- Doanh nghiệp nước ngoài
- Hợp tác xã và công ty tư nhân
- Cá nhân
- Khác

Nguồn: CTG, CSI Research

Cơ cấu cho vay của VietinBank có xu hướng tăng tỷ trọng vào cho vay cá nhân, trong 10 năm qua tỷ trọng cho vay cá nhân tăng từ 16.8% lên 39.3% tại năm 2024. Đối với nhóm khách hàng này rủi ro tín dụng giảm nhờ đa dạng khách hàng đồng thời lãi suất cho vay cũng tốt hơn. Đây là xu hướng chung của toàn ngành, một số ngân hàng cùng quy mô cũng có tỷ trọng bán lẻ cao.

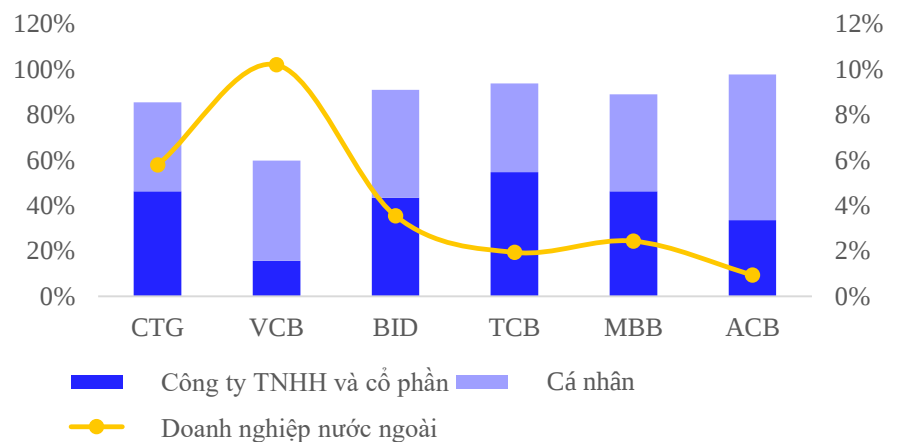
Cơ cấu cho vay phân theo nhóm khách hàng CTG



Nguồn: CTG, CSI Research

Tỷ trọng cho vay doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài của ngân hàng VietinBank tại cuối năm 2024 chiếm 5.8% cơ cấu cho vay khách hàng, chiếm tỷ trọng không quá lớn vì vậy ảnh hưởng trực tiếp từ việc Mỹ đánh thuế Việt Nam không nhiều. So sánh với một số ngân hàng khác VCB có cơ cấu cho vay các doanh nghiệp nước ngoài cao nhất với 10.2%, những ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân tỷ trọng này không đáng kể.

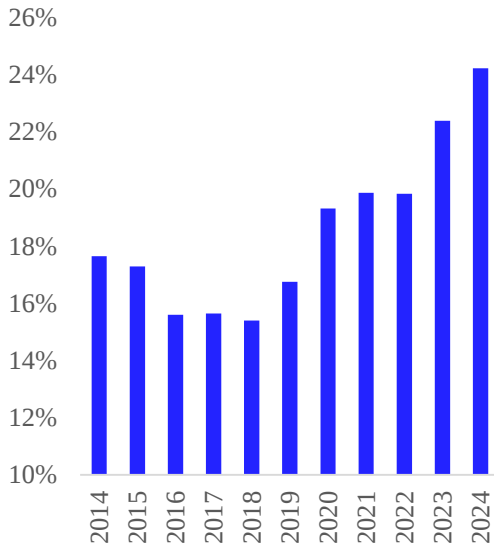
Cơ cấu cho vay nhóm KH chính năm 2024



Nguồn: CTG, CSI Research

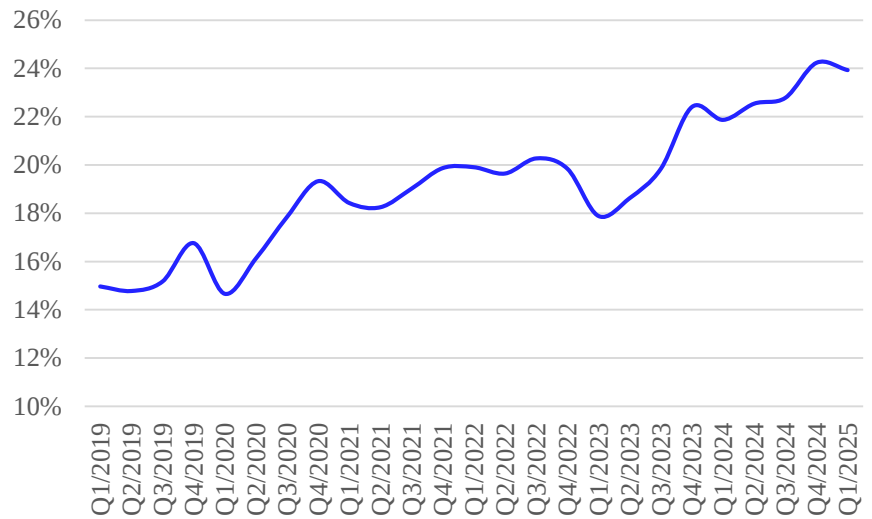
Casa của ngân hàng tại Q1/2025 đạt 23.9% giảm nhẹ so với cuối năm 2024 nhưng vẫn cải thiện tốt so với cùng kỳ (Casa Q1/2024 đạt 21.9%). Trong những năm tới Casa khó tăng trưởng hơn bởi (1) tăng trưởng tín dụng cao (2) Cạnh tranh Casa từ các ngân hàng khác.

CASA CTG



Nguồn: CTG, CSI Research

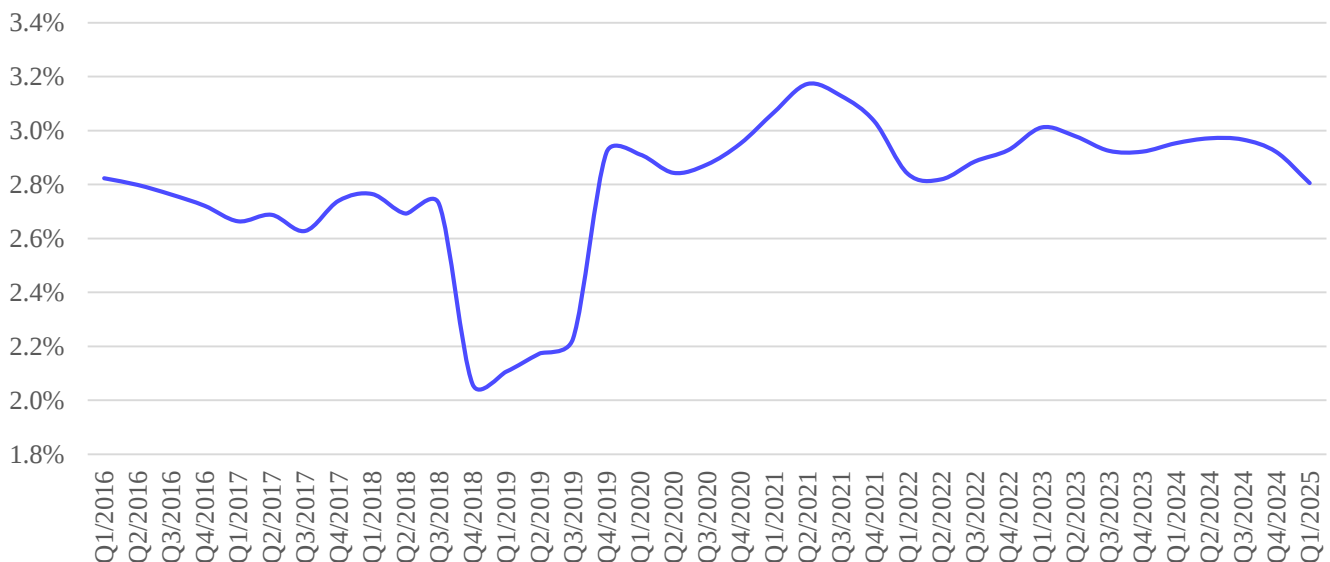
CASA CTG



Nguồn: CTG, CSI Research

Áp lực giảm lãi suất, hỗ trợ kinh tế khiến NIM của ngân hàng giảm nhẹ, tại Q1/2025 NIM của CTG đạt 2.8% giảm nhẹ so với cùng kỳ và cuối năm 2024. Theo đánh giá của ban lãnh đạo trong năm 2025 NIM vẫn gặp áp lực, tuy nhiên ngân hàng sẽ linh hoạt trong việc huy động để đảm bảo NIM vẫn ở mức tốt.

NIM CTG

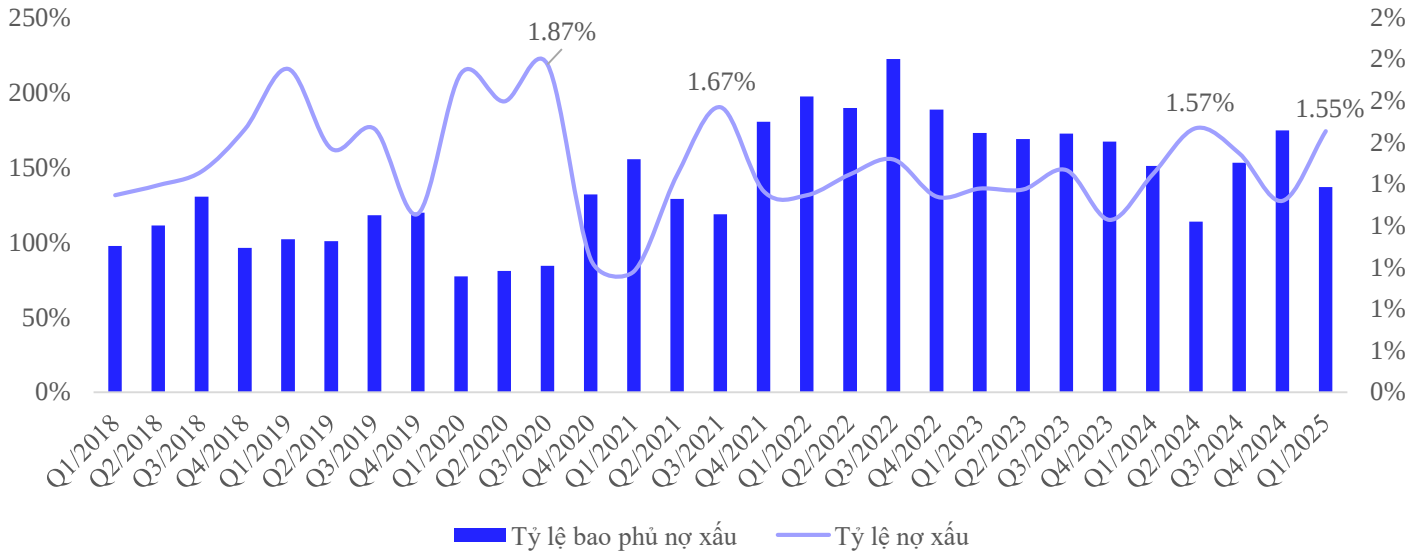


Nguồn: CTG, CSI Research

Nợ xấu tại Q1/2025 bất ngờ tăng mạnh trên cả 3 nhóm nợ đầy tỷ lệ NPL lên 1.55% trong khi tại cuối năm 2024 và Q1/2024 chỉ đạt 1.22% và 1.35%, đáng chú ý nợ nhóm 5 tăng mạnh lên 16 nghìn tỷ (+96.62%)

yoy; +20.45% QoQ). Theo kế hoạch Ban lãnh đạo đưa ra tỷ lệ nợ xấu đạt 1.2% - 1.5% cho thấy khả năng cao tỷ lệ nợ xấu đã đạt đỉnh. Bên cạnh đó giá trị trích lập dự phòng cho năm 2025 khoảng 20 – 25 nghìn tỷ và trong Quý 1 ngân hàng đã trích lập 8.11 nghìn tỷ là mức trích lập rất lớn nhằm đưa nợ xấu ra ngoại bảng.

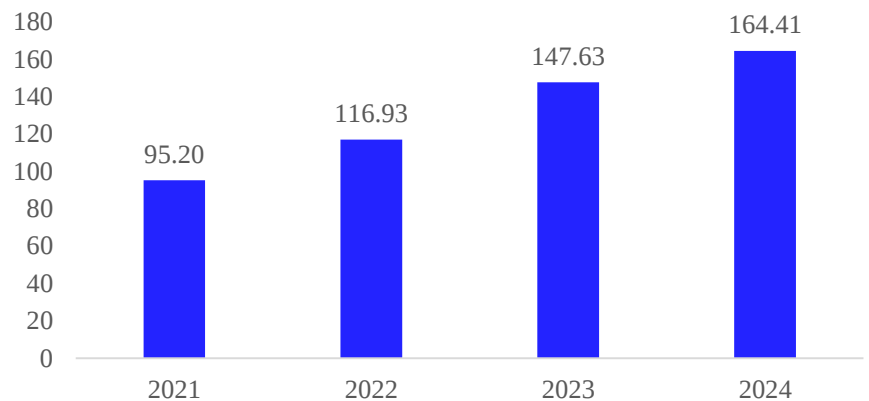
Tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ bao phủ nợ xấu



Nguồn: CTG, CSI Research

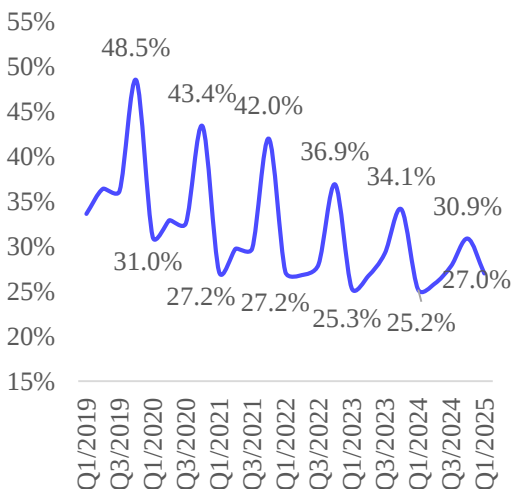
Tại cuối năm 2024 nợ xấu đã xử lý đạt 164.4 nghìn tỷ (+11.4% yoy) trong đó 92.4 nghìn tỷ là nợ gốc của khoản nợ đã xử lý. Nếu quá trình xử lý thành công, thậm chí chỉ cần thu lại tiền gốc thì đây là khoản lợi nhuận rất lớn của ngân hàng. Trong năm 2025 khoản lợi nhuận này được ước tính đạt hơn 10 nghìn tỷ (Chiếm khoảng 10% TOI)

Nợ khó đòi đã xử lý (Nghìn tỷ)



Nguồn: CTG, CSI Research

CIR CTG

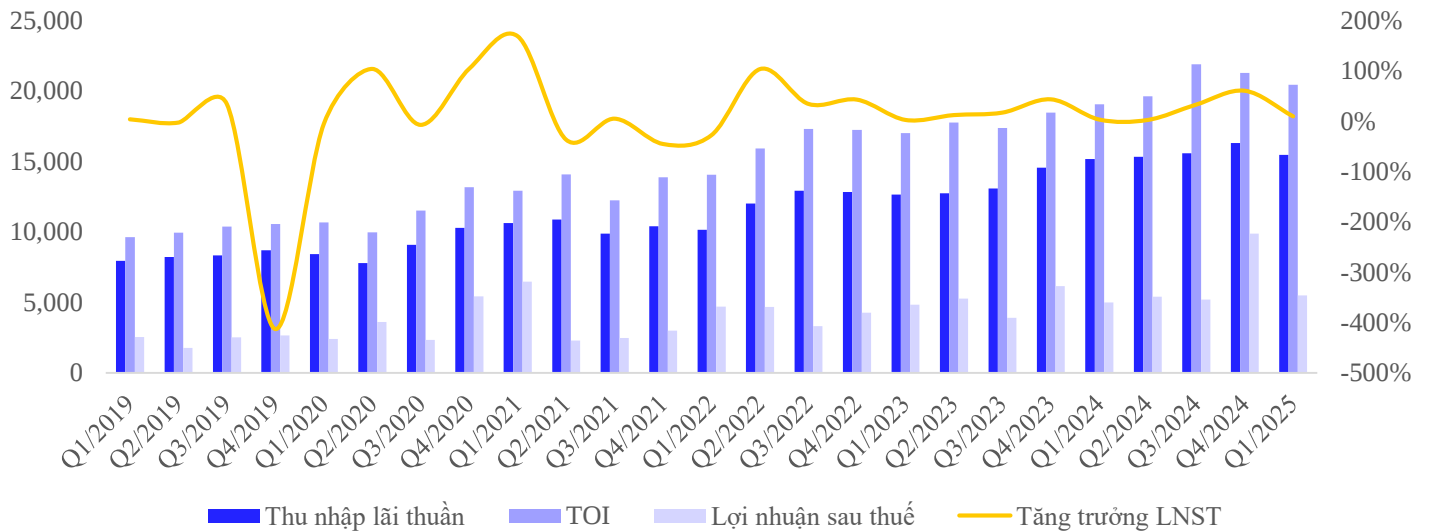


Nguồn: CTG, CSI Research

Kết quả kinh doanh của CTG trong Q1/2025 chưa thật sự nổi bật so với kỳ vọng. Thu nhập lãi thuần là hoạt động kinh doanh chính, chiếm hơn 75% TOI chỉ đạt 15.48 nghìn tỷ (+2% yoy). Trong đó hoạt động cho vay khách hàng đạt 27.8 nghìn tỷ (chiếm 85% thu nhập lãi) tăng chậm hơn so với chi phí vốn. Xét theo giá trị tuyệt đối thu nhập lãi cho vay khách hàng tăng lên 701 tỷ so với cùng kỳ nhưng chi phí trả lãi

tiền gửi tăng lên 1.14 nghìn tỷ, nguyên nhân do lãi suất cho vay thấp trong khi đó chi phí vốn không giảm được nhiều. Các chỉ số hoạt động khác như CIR, trích lập dự phòng tín dụng không thay đổi nhiều khiến lợi nhuận sau thuế đạt 5.5 nghìn tỷ (+9.9% yoy)

Kết quả kinh doanh CTG

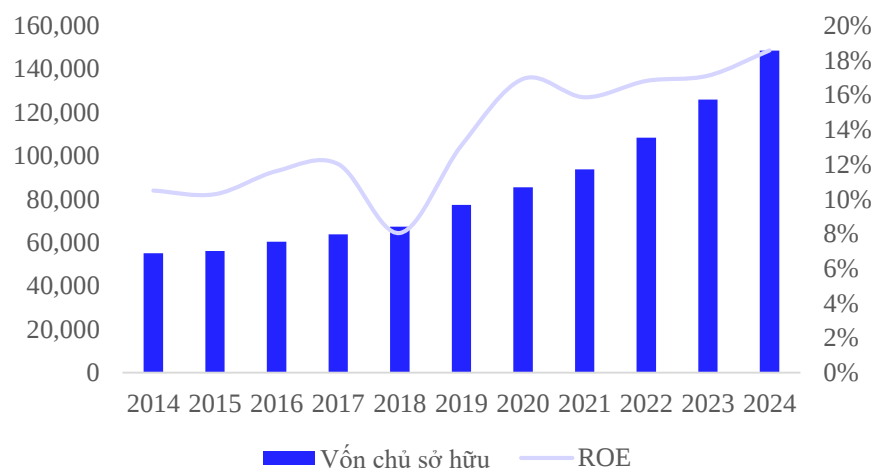


Nguồn: CTG, CSI Research

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

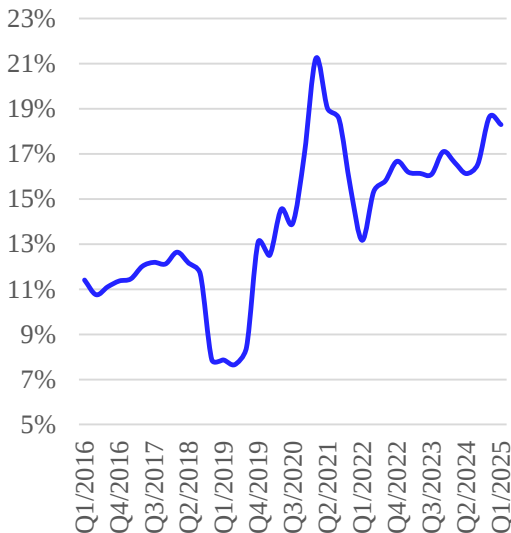
Kế hoạch tăng vốn lớn: Để đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP 2 con số thì nhu cầu tăng trưởng tín dụng rất lớn. Để đáp ứng nhu cầu này tăng vốn là điều kiện cần thiết giúp CTG duy trì tỷ lệ tăng trưởng tín dụng cao trong những năm tới. Trong Nghị quyết ĐHĐCĐ 2025, ngân hàng đã thông qua kế hoạch tăng vốn từ nguồn lợi nhuận giữ lại của năm 2021, 2022. Vốn điều lệ sau khi tăng đạt 77.67 nghìn tỷ (+44.64%). Không chỉ dừng lại ở đây, định hướng trong 3 năm tới lợi nhuận tiếp tục được giữ lại toàn bộ để phục vụ bổ sung vốn cho ngân hàng.

Hiệu quả hoạt động



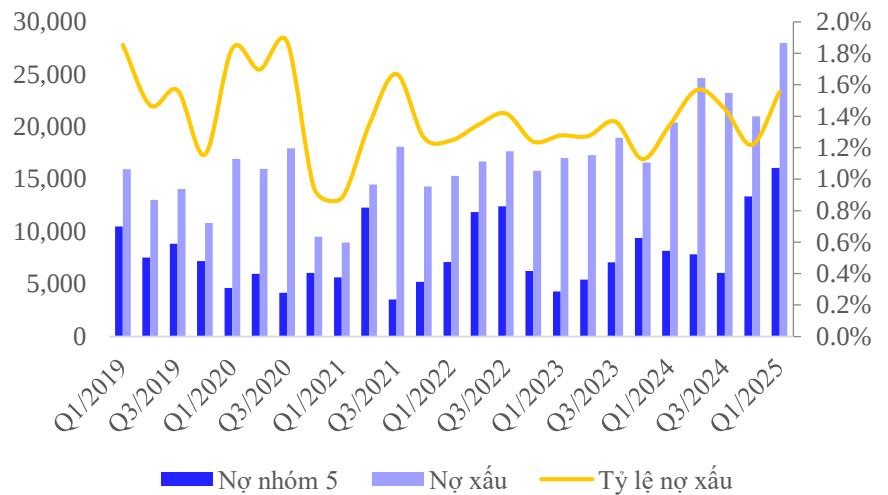
Nguồn: CTG, CSI Research

Duy trì tỷ lệ ROE cao trên nền vốn chủ sở hữu liên tục tăng trưởng: Hiệu quả hoạt động của CTG cải thiện rất mạnh thể hiện qua chỉ số vốn chủ sở hữu liên tục tăng kèm theo ROE không ngừng cải thiện. Giai đoạn trước năm 2018 ROE của CTG giao động 10% - 12% đến nay đã cải thiện trên 18%, đồng thời vốn chủ cũng tăng từ 67.3 nghìn tỷ tại năm 2018 lên 148.5 nghìn tỷ tại cuối năm 2024. Đến hết Q1/2025 ROE của CTG đạt 18.3% đồng thời vốn chủ sở hữu tiếp tục tăng 17.9% yoy tương ứng đạt 153.98 nghìn tỷ. Theo chia sẻ của Ban lãnh đạo, ROE sẽ được duy trì 17% - 18% trong khi đó vốn chủ sở hữu liên tục mở rộng dẫn tới kết quả kinh doanh trong những năm đầy hứa hẹn.

ROE CTG


Nguồn: CTG, CSI Research

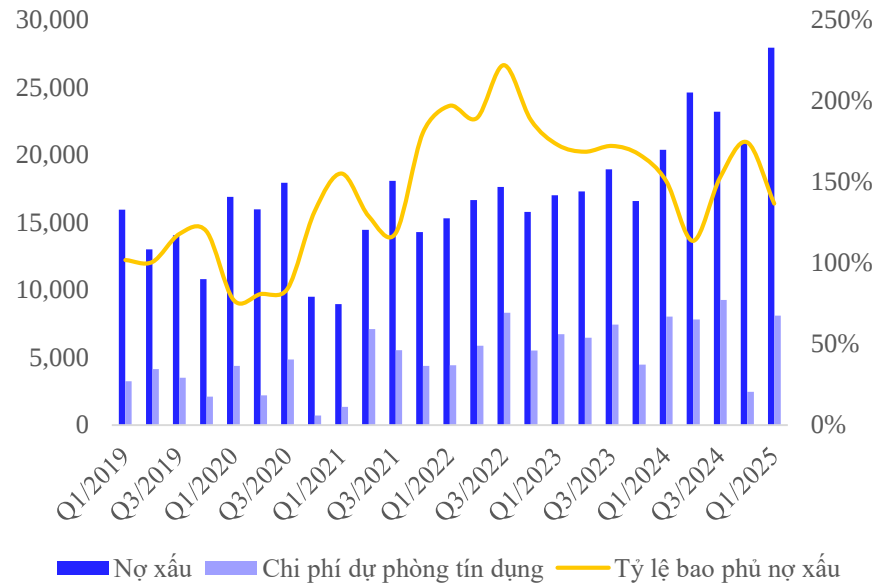
Nợ xấu đạt đỉnh: Tại Q1/2025 nợ xấu đạt 1.55% tăng mạnh trong đó nợ nhóm 5 tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ tương ứng đạt 16 nghìn tỷ. Các nhóm nợ khác tăng mạnh so với cuối năm 2024, nợ nhóm 3 và nhóm 4 lần lượt đạt 6.4 nghìn tỷ (-3.8% yoy, +128.29% QoQ) và 5.5 nghìn tỷ (-1.4% yoy, +13.21% QoQ).

Nợ xấu CTG


Nguồn: CTG, CSI Research

Theo đánh giá của Ban lãnh đạo nền kinh không có biến cố gì xấu hơn thì tỷ lệ nợ xấu sẽ đạt kế hoạch. Bên cạnh đó, tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng năm 2025 trong khoảng 20 – 25 nghìn tỷ tương đương với 2024. Nợ xấu Q1/2025 tăng mạnh nhưng kế hoạch trích lập dự phòng không thay đổi và không tăng so với năm trước, tỷ lệ bao phủ nợ xấu theo kế hoạch sẽ được duy trì ở mức cao 150% - 200% cho thấy vấn đề nợ xấu của CTG không tệ hơn 2024 và sẽ có xu hướng giảm dần ở các quý sau.

Nợ xấu CTG và chi phí dự phòng



Nguồn: CTG, CSI Research

ĐỊNH GIÁ

Chúng tôi đưa ra một số giả định chính để ước tính giá trị cổ phiếu Ngân hàng CTG như sau:

- (1) Ngay trong Quý đầu năm 2025 dư nợ cho vay khách hàng đạt 1.8 triệu tỷ (+19% yoy; +5% YTD) hứa hẹn trong năm 2025 CTG tăng trưởng tín dụng tốt tương ứng đạt khoảng 17%.
- (2) Nền kinh tế chưa hồi phục hoàn toàn khiến ngân hàng vẫn phải duy trì lãi suất thấp nhằm hỗ trợ kinh tế, thậm chí áp lực hơn khi chiến tranh thương mại leo thang. Chúng tôi dự phòng NIM của ngân hàng giảm nhẹ đạt 2.77%. Tuy nhiên nhờ tăng trưởng tín dụng tốt nên thu nhập lãi thuần và các khoản lãi tương tự ước đạt 70.5 nghìn tỷ (+13% yoy)
- (3) Hoạt động xử lý nợ xấu diễn ra liên tục và tích cực hơn, với hơn 164.4 nghìn tỷ nợ xấu ngoại bảng sẽ là nguồn thu cho ngân hàng trong tương lai. Dự báo trong 2025 CTG thu được 10 nghìn tỷ từ hoạt động này.
- (4) Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng sẽ giảm dần về cuối năm sẽ giúp ngân hàng cải thiện lợi nhuận mạnh mẽ trong các quý sau. Lợi nhuận sau thuế trong năm 2025 dự phóng đạt 31.2 nghìn tỷ (+22.4% yoy). Theo đó, giá trị sổ sách năm 2025 ước đạt 33,460 VNĐ, áp dụng chỉ số P/B 1.5 lần giá trị của cổ phiếu CTG đạt 50,190 VNĐ.

PHỤ LỤC

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024	Q1/25
1. An toàn vốn						
Vốn cấp 1 (Tỷ VND)	63,261.29	69,545.64	81,570.53	96,069.35	112,090.04	117,503.08
Vốn cấp 2 (Tỷ VND)	14,439.62	32,890.83	36,718.30	30,281.40	39,481.16	44,700.03
Tài sản có rủi ro (Tỷ VND)	626,444.35	726,243.94	878,023.11	974,304.82	1,135,963.89	1,188,203.70
Tỷ lệ Vốn cấp 1	10.10%	9.58%	9.29%	9.86%	9.87%	9.89%
Tỷ lệ Vốn cấp 2	2.31%	4.53%	4.18%	3.11%	3.48%	3.76%
Tỷ lệ CAR	0.00%	9.14%	8.98%	9.31%	0.00%	
Tỷ lệ VCSH/ Tổng Tài sản	6.37%	6.11%	5.99%	6.19%	6.23%	6.23%
Tỷ lệ Vốn cấp 1 Trên Tổng tài sản	4.72%	4.54%	4.51%	4.73%	4.70%	4.76%
2. Chất lượng tài sản						
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	26.83%	34.58%	37.10%	35.60%	33.69%	33.21%
Dự phòng rủi ro tín dụng trên bảng cân đối kế toán/Tổng cho vay khách hàng	1.24%	2.29%	2.32%	1.89%	2.17%	2.17%
Các khoản cho vay khách hàng và cho thuê tài chính có vấn đề/ Tổng VCSH và Dự phòng cho vay khách hàng	9.71%	11.97%	11.49%	10.81%	11.34%	14.55%
Các khoản cho vay khách hàng và cho thuê tài chính có vấn đề/ Tổng cho vay khách hàng	0.94%	1.26%	1.24%	1.13%	1.22%	1.55%
Dự phòng cho vay/ Nợ xấu	132.18%	180.38%	185.88%	167.22%	174.68%	136.82%
Dự phòng rủi ro/ Cho vay khách hàng	1.24%	2.28%	2.31%	1.89%	2.13%	2.13%
Chi phí dự phòng rủi ro/ Cho vay khách hàng	1.01%	1.38%	1.53%	1.40%	1.31%	1.24%
Trái phiếu VAMC/ Cho vay khách hàng	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
Tiền gửi có kỳ hạn/ Tiền gửi khách hàng	80.39%	79.90%	79.98%	77.45%	75.15%	75.65%
Tỷ lệ CASA	18.83%	19.43%	19.49%	22.04%	23.86%	23.58%
3. Hiệu quả hoạt động						
Thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập hoạt động	78.44%	78.61%	74.54%	75.07%	76.19%	75.28%
Thu nhập ngoài lãi/ Thu nhập lãi thuần	27.48%	27.20%	34.16%	33.22%	31.26%	32.84%
Thu nhập phí thuần/Tổng thu nhập hoạt động	9.62%	9.33%	9.14%	10.08%	8.17%	7.84%
Tỷ lệ CIR	35.43%	32.33%	29.94%	28.98%	27.53%	27.92%
Chi phí hoạt động/ Thu nhập lãi thuần	45.16%	41.13%	40.16%	38.60%	36.13%	37.09%
Thu nhập lãi/ Tổng thu nhập hoạt động	184.48%	159.21%	163.24%	188.06%	151.95%	151.50%
Thu nhập phí/ Tổng thu nhập hoạt động	18.43%	18.01%	18.01%	17.56%	14.93%	14.43%

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024	Q1/25
Thu khác/ Tổng thu nhập hoạt động	4.25%	6.39%	10.20%	8.23%	10.28%	11.58%
Thu nhập cổ tức/ Tổng thu nhập hoạt động	1.16%	0.90%	0.80%	0.41%	0.48%	0.55%
Chi phí lãi / Tổng chi phí	59.29%	50.92%	53.39%	60.47%	51.71%	52.08%
Chi phí của thu nhập từ phí/ Tổng chi phí	4.93%	5.48%	5.34%	4.00%	4.61%	4.50%
Chi phí SGA/ Tổng chi phí	19.81%	20.43%	18.02%	15.51%	18.79%	19.08%
Chi phí khác/Tổng chi phí	0.97%	1.33%	0.91%	0.97%	1.89%	1.65%
4. Tài sản & Thanh khoản						
Tài sản sinh lời (Tỷ VND)	1,293,511.41	1,470,378.06	1,713,434.24	1,959,468.36	2,326,758.71	2,411,767.40
Tài sản tạo thu nhập/ Tổng tài sản	96.42%	96.00%	94.73%	96.40%	97.54%	97.65%
Tài sản thanh khoản/ Tổng tiền gửi	29.12%	31.11%	37.09%	36.38%	38.31%	38.57%
Tài sản thanh khoản/ Tổng tài sản	21.50%	23.60%	25.61%	25.25%	25.80%	25.32%
Tiền gửi khách hàng/Tổng tài sản	73.82%	75.86%	69.06%	69.41%	67.34%	65.64%
Cho vay khách hàng/ Tổng tài sản	74.75%	72.14%	68.85%	71.12%	70.65%	71.35%
Cho vay khách hàng/(Tổng tiền gửi + Giấy tờ có giá)	88.39%	89.73%	86.11%	82.49%	85.60%	85.13%
Tiền gửi Khách hàng/ Tổng VCSH	1,159.11%	1,240.63%	1,153.27%	1,120.90%	1,081.66%	1,052.87%
Nợ xấu (3-5)/Tổng dư nợ	0.95%	1.29%	1.27%	1.15%	1.25%	1.59%
Nợ xấu (3-5)/VCSH	11.14%	15.27%	14.61%	13.19%	14.13%	18.17%
Nợ xấu (2-5)/Tổng dư nợ	1.23%	2.37%	3.68%	2.73%	2.62%	2.93%
Nợ xấu (2-5)/VCSH	14.42%	27.98%	42.27%	31.33%	29.77%	33.58%
Suy giảm giá trị cho vay khách hàng & Dự phòng cho vay /Nợ xấu (3-5)	132.18%	180.38%	185.88%	167.22%	174.68%	136.82%
Suy giảm giá trị cho vay khách hàng & Dự phòng cho vay /Nợ xấu (2-5)	102.14%	98.45%	64.25%	70.42%	82.93%	74.01%
Tiền gửi Khách hàng/ Tổng tiền gửi	90.95%	97.18%	89.93%	84.44%	86.37%	84.81%
Cho vay Khách hàng/ Tổng nguồn vốn	1,173.64%	1,179.80%	1,149.81%	1,148.45%	1,134.84%	1,144.41%
Dư nợ cho vay/ Tiền gửi (LDR)	88.39%	89.73%	86.11%	82.49%	85.60%	85.13%
Tỷ lệ vốn NH cho vay TDH	225.98%	198.06%	206.40%	164.55%	152.58%	158.29%
(Tổng vốn - tài sản thanh khoản cao)/ Tổng Tài sản	-13.97%	-16.05%	-18.44%	-17.92%	-19.12%	-18.76%
5. Khả năng sinh lợi						
Lãi suất đầu ra bình quân	7.63%	7.11%	7.91%	8.75%	6.90%	6.63%
Chênh lệch lãi suất	-0.84%	0.42%	-0.06%	-1.09%	0.54%	1.96%
Chi phí hoạt động/ Tổng tài sản sinh lời	1.29%	1.24%	1.20%	1.10%	1.04%	1.02%
NIM	2.85%	3.01%	2.98%	2.86%	2.88%	2.76%
Thu nhập lãi thuần/ Tài sản sinh lời	6.74%	6.11%	6.52%	7.17%	5.76%	5.55%
Lãi suất đầu vào bình quân	4.07%	3.26%	3.72%	4.54%	3.07%	2.99%

Chỉ tiêu	2020	2021	2022	2023	2024	Q1/25
ROA trước dự phòng rủi ro	2.27%	2.50%	2.69%	2.61%	2.69%	2.60%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế và trước các khoản bất thường so với trung bình tổng tài sản	1.07%	0.99%	1.02%	1.04%	1.15%	1.12%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế và trước các khoản bất thường so với trung bình VCSH	16.94%	15.88%	16.82%	17.12%	18.57%	17.93%
Thu nhập ròng/ Tài sản cố rủi ro	2.25%	2.10%	2.12%	2.16%	2.42%	2.34%
Thu nhập trước dự phòng/Trung bình Tài sản cố rủi ro	4.79%	5.32%	5.60%	5.41%	5.63%	5.40%
ROE trước dự phòng rủi ro %	35.98%	40.17%	44.49%	42.79%	43.27%	41.44%
6. Tăng trưởng						
Trung bình tăng trưởng cho vay khách hàng (%YoY)	8.72%	10.18%	12.72%	16.07%	16.58%	18.78%
Trung bình tăng trưởng tiền gửi (%YoY)	10.93%	17.32%	7.52%	12.95%	13.85%	13.56%
Tăng trưởng chi phí hoạt động (%YoY)	2.13%	6.95%	11.69%	6.51%	10.28%	11.08%
Tăng trưởng thu nhập trước dự phòng (%YoY)	18.17%	22.82%	24.89%	11.54%	18.48%	15.97%
Tăng trưởng thu nhập lãi (%YoY)	7.17%	17.45%	14.37%	10.81%	17.84%	12.79%
Tăng trưởng thu nhập ngoài lãi (%YoY)	33.57%	16.26%	43.60%	7.75%	10.89%	20.30%
Tăng trưởng tổng thu nhập hoạt động (%YoY)	11.94%	17.19%	20.62%	10.03%	16.10%	14.56%
Tăng trưởng tín dụng (%YoY)	7.80%	11.09%	12.12%	15.50%	16.75%	18.80%

Nguồn: FiinX, CSI Research

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI:

Email: csi.research@vncsi.com - Tel: (+84) 24 3926 0099 (109)

Thực hiện: Lê Anh Tùng

Email: tungla@vncsi.com.vn

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Lê Anh Tùng

Chuyên viên phân tích

Email: tungla@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Trưởng phòng Phân tích

Email: khanglec@vncsi.com.vn

Lê Đỗ Tuấn Minh

Chuyên viên phân tích

Email: minhldt@vncsi.com.vn

Phạm Thị Mai Anh

Trợ lý TTNC

Email: anhptm@vncsi.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại) / giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến -20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI), những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng.

Các nhận định trong bản báo cáo này dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo, các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. CSI sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ thông tin hoặc ý kiến của báo cáo này. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CSI.

LIÊN HỆ CSI

Trụ sở: Tầng 11, ROX Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Chi nhánh: Tầng 20, Tòa nhà TNR, 180 – 192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Hotline: + 84 24 3926 0099 Website: <https://www.vncsi.com.vn>